

Vũng Tàu, ngày 29 tháng 4 năm 2022

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2021
Đã được kiểm toán bởi AASCs
Tại Đại hội đồng cổ đồng thường niên năm 2022**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Trục vớt cứu hộ Việt Nam;

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam;

Phòng TCKT công ty cổ phần Trục vớt cứu hộ Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông về các chỉ tiêu cơ bản của Báo cáo tài chính cho năm tài chính năm 2021 từ ngày 01/01/2021 kết thúc vào ngày 31/12/2021 như sau:

I/- Công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty được lập theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan.

- Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam.

- Ý kiến của kiểm toán viên về các báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

II/- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
I/	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021				
1	Vốn điều lệ	đồng	83.100.000.000	83.100.000.000	100
2	Doanh thu: - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Doanh thu hoạt động tài chính - Thu nhập khác	đồng nt	99.000.000.000	129.052.150.190 122.492.896.627 3.273.243.054 3.286.010.509	130,35
3	Chi phí: - Giá vốn hàng bán - Chi phí tài chính - Chi phí quản lý DN - Chi phí khác	đồng nt nt nt nt	95.800.650.000	121.196.512.637 97.035.064.014 3.472.763 24.157.975.860 0	126,50
4	Tổng lợi nhuận KT trước thuế Trong đó: _ Lợi nhuận thuần từ HĐKD _ Lợi nhuận khác	đồng	3.199.350.000	7.855.637.553 4.569.627.044 3.286.010.509	245,53
5	Chi phí thuế TNDN hiện hành	đồng		1.596.427.511	
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	2.559.480.000	6.259.210.042	244,55
7	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ	%	3,85	9,45	
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	3,08	7,53	
II/	Tạm trích lập các quỹ theo điều lệ & lợi nhuận chia cổ tức năm 2021				
1	Trích lập các quỹ theo điều lệ Trong đó: -Quỹ Đầu tư phát triển(5%/LNST) -Quỹ khác thuộc VCSH (5%) -Khen thưởng, phúc lợi 10%	đồng		1.251.842.008 312.960.502 312.960.502 625.921.004	
2	Lợi nhuận chia cổ tức	đồng		5.007.368.034	
3	Cổ tức	%		6,02	
4	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu	đồng		602	
III/	Tổng quỹ lương 2021	đồng	32.670.000.000	27.453.829.202	84,03
	Lao động bình quân	Ng	225	177	
	Lương bình quân NLĐ		12.100.000	12.925.532	

Năm 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cũng bị ảnh hưởng của dịch bệnh covid-19, cũng như giảm sút kinh tế như tình hình chung trong nước và quốc tế. Nguồn thu từ khai thác mặt bằng sụt giảm mạnh, trong khi chính sách hỗ trợ của Nhà Nước từ tiền thuê đất, (giảm 30% tiền thuê đất) công ty không được hưởng từ ba khu vực lớn là tại khu đất XN Cơ khí công trình và hai khu đất tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (do chưa hoàn tất việc chuyển đổi chủ sở hữu) yếu tố này tác động nhiều đến kết quả sản xuất kinh doanh. Ngoài ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh chính của công ty chi phí đầu vào tăng cao (như chi phí cho việc xét nghiệm, chi phí để phù hợp cho hoạt động 3 tại chỗ, chi phí thủ tục tại các cảng, chi phí đưa đón công nhân.... Trong khi doanh thu cũng bị giảm sút do dịch bệnh.

Mặc dù đối diện với rất nhiều khó khăn, thách thức nhưng Ban điều hành công ty với nhiều năm kinh nghiệm đã lãnh đạo người lao động thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và bảo toàn vốn chủ sở hữu, đời sống người lao động ổn định. (hệ số $H = 1,0028 > 1$: công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn).

Đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Trục vớt cứu hộ Việt Nam giao: Hội đồng quản trị - Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Trục vớt cứu hộ Việt Nam cùng với sự đồng hành của tập thể người lao động đã đoàn kết, thống nhất thực hiện vượt mức kế hoạch SXKD năm 2021 được Đại hội đồng cổ đông giao. Chỉ tiêu Doanh thu đạt 130,35%/KH. Tại các chỉ tiêu quan trọng khác như lợi nhuận trước thuế TNDN công ty đã thực hiện vượt mức kế hoạch 245,53 %/KH (Đạt tỷ suất LNTT/VĐL là 9,45% / Kế hoạch 3,85%). Ngoài ra trong năm tài chính 2021 công ty tiếp tục tháo gỡ thêm những khó khăn để lại từ trước cổ phần hóa đó là: Đã thực hiện trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho: 4.019 triệu đồng (70% /chi phí SXKD dở dang còn lại của công trình cứu hộ tàu Green Viship) tổn thất phát sinh trước cổ phần hóa. Thực hiện phân bổ được 5.307 chi phí sửa chữa lớn còn treo gác của các năm trước và một phần giá trị thực hiện của năm 2021 làm lành mạnh tình hình tài chính công ty cổ phần, bảo toàn được vốn và nâng dần tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông, nâng cao đời sống, thu nhập của người lao động trong công ty. Đồng thời Công ty luôn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật cũng như các chế độ đối với người lao động. Trong quá trình triển khai hoạt

động SXKD luôn nêu cao trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường làm việc cũng như môi trường xã hội.

III/. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021.

1/- Các chỉ tiêu cơ bản trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021 như sau:

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
I. Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	50,029,978,733	101,153,693,519
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	18.935.544.121	23.226.925.589
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT		42.000.000.000
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT	21.831.918.786	12.556.432.789
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT	9.176.001.612	23.179.723.159
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	86.514.214	190.611.982
II. Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	62.242.642.531	20.280.000.523
1. Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT		
2. Tài sản cố định	220-BCĐKT	10.905.238.819	12.738.036.057
3. Bất động sản đầu tư	230-BCĐKT		
4. Tài sản dở dang dài hạn	240-BCĐKT	1.205.302.123	13.545.000
5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT	49.000.000.000	
6. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	1.132.101.589	7.528.419.466
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (I+II)		112.272.621.264	121.433.694.042
III. Nợ phải trả	300-BCĐKT	21.890.767.484	33.143.856.341
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	21.890.767.484	33.143.856.341
2. Nợ dài hạn	320-BCĐKT		
IV. Vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	90.381.853.780	88.289.837.701
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411-BCĐKT	83.100.000.000	83.100.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418-BCĐKT	789.644.717	558.133.941
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420-BCĐKT	232.999.021	1.488.245
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	419-BCĐKT	6.259.210.042	4.630.215.515
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (III+IV)		112.272.621.264	121.433.694.042

2/. Các chỉ tiêu phân tích tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tỉ lệ (%)	Ghi chú
1/ Tỉ suất lợi nhuận			
+ Vốn chủ sở hữu b/q năm 2021		83.773.889.329	
1.1 Tỉ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	7,47	
1.2 Tỉ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	%	5,58	
2/ Cơ cấu tài sản			

2.1 Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	55,44	
2.2 Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	44,56	
3/ Cơ cấu vốn			
3.1 Nợ phải trả / tổng nguồn vốn	%	19,50	
3.2 Vốn chủ sở hữu / tổng nguồn vốn	%	80,50	
4/ Khả năng thanh toán			
4.1 Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	Lần	2,29	
4.2 Tổng tài sản / Nợ phải trả	Lần	5,13	

IV/. Báo cáo tình hình đầu tư & sửa chữa lớn TSCĐ năm 2021:

- **Hạng mục Đầu tư:** Năm 2021 phát sinh các hạng mục đầu tư mua sắm tài sản cố định như sau :

- Đầu tư mua sắm trang bị cho XN Sửa chữa tàu biển:

Stt	Hạng mục	Số tiền
1	Máy tiện MORIMSEIKI	150.000.000
TỔNG CỘNG		150.000.000

- **Hạng mục Sửa chữa lớn:** Năm 2021 Công ty đã thực hiện các hạng mục sửa chữa lớn tài sản cố định như sau :

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Số tiền
1	Sửa chữa định kỳ tàu DK 108	Chi nhánh 1	1.333.058.765
2	Sửa chữa định kỳ tàu Visal 8	Chi nhánh 1	1.146.612.737
3	Sửa chữa định kỳ sà lan Visal 3000T	Chi nhánh 1	1.226.587.462
4	Sửa chữa lớn các phương tiện 2021	Chi nhánh 1	326.325.719
TỔNG CỘNG			4.032.584.683

V/. Báo cáo thực hiện chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Người quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2021:

Công ty đã thực hiện việc chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát công ty năm 2021 đúng mức thù lao đã được phê chuẩn tại nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 cụ thể như sau :

Stt	Chức danh	Số lượng	Số tháng	Thù lao/tháng	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị	06			240.000.000
1	Chủ tịch HĐQT	01	12	5.000.000	60.000.000
2	Thành viên HĐQT	05	12	3.000.000	180.000.000
II	Người quản trị kiêm thư ký	01	12	2.000.000	24.000.000
III	Ban kiểm soát	03			72.000.000
1	Trưởng BKS	01	12	3.000.000	36.000.000
2	Thành viên BKS	02	12	1.500.000	36.000.000
TỔNG CỘNG (I + II + III)					336.000.000

VI/. Báo cáo tình hình nợ phải thu :

*** Nợ phải thu tại thời điểm chuyển thành công ty cổ phần (05/03/2015):**

+ Tổng số: 17.209.849.170 đồng

+ Trong đó nợ quá hạn: 5.515.778.334 đồng

*** Năm 2016 Đã xử lý thu hồi nợ quá hạn khó đòi được : 1.983.088.063 đồng**

Trong đó :

+ Công ty TNHH XDDVTM Thảo Li: 1.283.088.063 đồng

+ Cục Quản lý đường bộ IV: 700.000.000 đồng

*** Nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2021**

+ Tổng số: 21.831.918.786 đồng

+ Trong đó nợ quá hạn: 4.833.285.111 đồng (Trong đó phát sinh từ trước cổ phần hóa: 3.532.690.271)

+ Năm 2018 trích dự phòng nợ phải thu khó đòi được: 2.914.747.100 đồng

- + Năm 2019 trích dự phòng nợ phải thu khó đòi được: 2.096.342.063 đồng
- + Năm 2020 đã trích dự phòng được: 1.903.170.301 đồng, (Trong đó: 1,722.390.301 đồng chi phí SXKD dở dang công trình cứu hộ tàu Green Viship).
- + Năm 2020 đã thu và hoàn nhập dự phòng (Hoàng Phúc): 323.000.000 đồng
- + Năm 2021 đã trích dự phòng được: 4.064.541.703 đồng, (Trong đó: 4.018.910.703 đồng chi phí SXKD dở dang công trình cứu hộ tàu Green Viship). Và 45.631.000 nợ phải thu khó đòi.
- + Năm 2021 đã thu và hoàn nhập dự phòng (Cty CP S/c tàu DK Nhơn Trạch): 81.215.052 đồng
- * Lũy kế đã trích dự phòng nợ phải thu khó đòi được : 4.833.285.111 đồng
- * Lũy kế đã trích dự phòng Giảm giá hàng tồn kho được : 5.741.301.004 đồng

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ/Cty (b/c);
- HĐQT/Cty (b/c);
- Lưu TCKT Cty.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Trang